TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Từ Quốc Thái Bình**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trịnh Văn Thái**

2. Ông **Phan Vũ Anh Kiệt**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Thịnh** - Thẩm phán Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Linh Đan** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 45/2023/TLST-HNGĐ, ngày 09/3/2023 về việc: "Tranh chấp ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 21/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 22/5/2023 của Tòa án nhân dân thị xã L và Quyết định hoãn phiên toà số: 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị T**, sinh năm: 1977. Địa chỉ: Khu phố 4, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Lý Trí C**, sinh năm: 1970. Địa chỉ: Khu phố 4, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:* Chị và anh Lý Trí C tìm hiểu, tự nguyện chung sống từ năm 1996, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện Hàm Tân (cũ) nay là UBND phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, theo giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyển số 28, ngày 27/5/1996. Quá trình chung sống giai đoạn đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng ý kiến về nhiều vấn đề. Anh C có tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm tới gia đình. Anh C chơi cờ bạc, chị T phải đứng ra trả nợ cho anh nhiều lần. Vợ chồng cũng đã hoà giải nhưng không có kết quả, mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng không còn tôn trọng nhau, hiện tình cảm của chị đối với anh C không còn, đời sống chung không thể kéo dài. Vợ chồng không sống chung từ năm 2017 cho đến nay,

mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lý Trí C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, gồm: Lý Phương T, sinh năm: 1997 và Lý Phương Th, sinh năm: 2002. Các con chung đã thành niên, có khả năng tự lao động lo cho bản thân. Nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Lý Trí C:* Đã được Tòa án nhân dân thị xã L tống đạt các văn bản tố tụng, nhưng anh Cường không có mặt để giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L cho rằng:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 41 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đúng theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Lê Thị T được ly hôn với anh Lý Trí C.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung không giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Sau khi nghe quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn chị Lê Thị T nộp đơn khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn" đối với bị đơn anh Lý Trí C. Bị đơn có nơi cư trú tại khu phố 4, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Chị Lê Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt; anh Lý Trí C đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị T và anh Lý Trí C tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Hàm Tân (cũ) nay là UBND phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, theo giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyển số 28, ngày 27/5/1996, nên hôn nhân giữa anh Cường và chị Thơm là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị T cho rằng chị không còn tình cảm và kiên quyết ly hôn với anh Lý Trí C. Hơn nữa, mặc dù Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Lý Trí C đến lần thứ hai nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do, thể hiện anh C không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa chị Thơm và anh C, thể hiện: *"...Vợ chồng anh C và chị Tcó phát sinh mâu thuẫn, gia đình không hoà thuận, vợ chồng không còn sống chung từ năm 2017 cho đến nay ... Toà án giải quyết theo yêu cầu của chị T*". Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh C và chị T đã thật sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn của nguyên đơn, là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Giữa chị Lê Thị T và anh Lý Trí C có 02 con chung, gồm: cháu Lý Phương T, sinh năm: 1997 và cháu Lý Phương Th, sinh năm: 2002. Hiện các con chung của anh chị đã thành niên, có khả năng tự lao động lo cho bản thân, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung*:* Chị T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 51, 56, 58, 69, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T được ly hôn anh Lý Trí C.

[2] Về con chung: Không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai số 0013116, ngày 08/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L. Chị Lê Thị T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị T và anh Lý Trí C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung.

**** Nơi nhận:***
- *TAND tỉnh Bình Thuận;*
- *VKSND thị xã L;*
- *THADS thị xã L;*
- *Các đương sự;*
- *Nơi ĐKKH: UBND phường P, thị xã L;*
- *Lưu hồ sơ; Lưu Tòa án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Từ Quốc Thái Bình